TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM KHÊ** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 108/2019/QĐST-HNGĐ	*Cẩm Khê, ngày 18 tháng 7 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 197/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2019, giữa:

-*Nguyên đơn*: Chị Vũ Thị Q - sinh năm 1992

-*Bị đơn*: Anh Trần Thanh B - sinh năm 1987

Địa chỉ: đều ở khu 4, xã C, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5, điểm a,b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Điều 26 Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 7 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 7 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Vũ Thị Q và anh Trần Thanh B.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung:

Chị Vũ Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung là Trần Thanh V - sinh ngày 22/8/2010, Trần Ngọc H - sinh ngày 07/9/2012 và Trần Bích H - sinh ngày 12/02/2014, anh Trần Thanh B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Q mỗi tháng số tiền 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng)/con, 03 con là 2.100.000đ (Hai triệu một trăm nghìn đồng)/tháng, kể từ tháng 8/2019 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng.

Chị Q cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh B trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

2.2. Về tài sản chung,công sức và quyền,nghĩa vụ chung về tài sản: Hai bên không yêu cầu Toà án giải quyết.

2.3. Về án phí: Chị Vũ Thị Q xin chịu cả chịu cả 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí của người cấp dưỡng nuôi con. Tổng là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003309 ngày 08/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê. Chị Q đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
-Các đương sự;
-VKSND huyện;
-Thi hành án DS;
-UBND xã C;
-Lưu HS;
-Lưu VP.

THẨM PHÁN

Lương Ngọc Dũng